

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
THEO BỘ TIÊU CHUẨN CỦA AUN**

**Chương trình
ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH
CƠ KHÍ CHẾ BIẾN KHÓA 34**

**Bộ môn Kỹ Thuật Cơ Khí
Khoa Công Nghệ
Trường Đại Học Cần Thơ**

Mục lục

---o0o---

PHẦN 1. GIỚI THIỆU.....	5
1. Giới thiệu về Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí - Khoa Công Nghệ	5
2. Phương pháp thực hiện đánh giá.....	7
3. Mô tả ngắn gọn về chương trình	7
3. Giới thiệu tổ đánh giá	7
PHẦN 2. MÔ TẢ	9
1. Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi	9
2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết	9
3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình	11
4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	13
5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên	13
6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy	15
7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ	18
8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên	18
9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên.....	19
10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng.....	20
11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập	20
12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ	21
13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	21
14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra.....	22
15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan.....	22
PHẦN 3. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CÒN TỒN TẠI	23
1. Phân tích điểm mạnh.....	23
1.1 Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi	23
1.2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết	23
1.3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình	23
1.4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	24
1.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên	24
1.6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy	24
1.7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ	25
1.8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên.....	25
1.9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên.....	25

1.10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng.....	25
1.11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập	26
1.12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ	26
1.13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	26
1.14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra.....	26
1.15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan.....	27
2. Phân tích điểm yếu.....	27
2.1. Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi	27
2.2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết	27
2.3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình	27
2.4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	27
2.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên	28
2.6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy	28
2.7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ	28
2.8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên.....	28
2.9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên.....	28
2.10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng.....	28
2.11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập	29
2.12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ	29
2.13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	29
2.14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra.....	30
2.15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan.....	30
3. Kết quả tự đánh giá.....	31
4. Kế hoạch hành động	37
4.1. Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi	37
4.2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết	37
4.3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình	37
4.4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	37
4.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên	37
4.6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy	38
4.7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ	38
4.8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên.....	38
4.9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên.....	38
4.10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng.....	38
4.11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập	38

4.12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ	39
4.13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	39
4.14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra.....	39
4.15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan.....	39
PHẦN 4. PHỤ LỤC	41
1. Danh mục từ viết tắt – Từ chuyên môn	41
2. Danh mục bảng	41
3. Danh mục hình.....	42
4. Danh mục minh chứng.....	42

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1. Giới thiệu về Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí - Khoa Công Nghệ

Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí là một bộ phận nòng cốt của khoa Cơ khí Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ trong những năm 1990. Đến năm 1995, nhằm đáp ứng nhu cầu và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, Khoa Công nghệ - Trường Đại học Cần Thơ được thành lập trên cơ sở sát nhập Khoa Cơ khí Nông nghiệp và Khoa Thủy nông - Cải tạo Đất. Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí vẫn được duy trì và phát triển đến ngày nay sau nhiều lần điều chỉnh nhân sự để đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội cũng như nhiệm vụ đào tạo. Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí hiện nay được xây dựng trên nền tảng lực lượng cán bộ giảng dạy, cán bộ công chức của hai bộ môn: Kỹ thuật Cơ khí cũ trước đây và Bộ môn Máy nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, theo Quyết định thành lập số 331/QĐ-ĐHCT ngày 12 tháng 3 năm 2010. Đây được xem như là một sự thay đổi về mặt quản lý nhằm đáp ứng tình hình phát triển của Khoa Công Nghệ. Bộ môn hiện đang quản lý 3 chương trình đào tạo: Cơ khí chế biến, Cơ khí chế tạo máy và Cơ khí giao thông. Bộ môn quản lý và đảm trách giảng dạy tất cả các học phần thuộc lĩnh vực Cơ khí, các lĩnh vực liên quan đến thiết bị, máy móc công nghệ chế biến sau thu hoạch, v.v.... cho các ngành Kỹ thuật - Công nghệ thuộc Khoa Công nghệ, Khoa Nông nghiệp, Khoa Sư phạm, Khoa Kinh tế,... Trường Đại học Cần Thơ.

Sứ mạng của Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí là đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy, Cơ khí giao thông và đặc biệt là ngành Cơ khí chế biến ở bậc đại học và sau đại học, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cơ khí, chế biến bảo quản sau thu hoạch phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội cho vùng ĐBSCL cũng như cả nước.

Tầm nhìn của Bộ môn Kỹ thuật Cơ Khí phấn đấu là một trong những đơn vị đào tạo và nghiên cứu hàng đầu của khu vực ĐBSCL và cả nước trong lĩnh vực Cơ khí, công nghệ chế biến sau thu hoạch. Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế biến sẽ được đánh giá và công nhận theo tiêu chuẩn ABET.

Ngay từ khi thành lập theo QĐ số 331/QĐ-ĐHCT-2010, Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của nhà trường và Khoa Công nghệ trong việc phát triển đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất theo các hướng đào tạo chuyên ngành bậc ĐH và SĐH. Bộ môn có 4 tổ chuyên ngành theo Quyết định thành lập số 337/QĐ-ĐHCT:

Tổ chuyên ngành Kỹ thuật Chế tạo máy có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về kỹ thuật cơ khí cơ sở, thiết kế chế tạo các loại máy móc cơ khí, các phương pháp gia công, chế tạo chi tiết máy, công nghệ CAD/CAM/CNC,... phục vụ trong lĩnh vực cơ khí chế tạo trong khu vực.

Tổ chuyên ngành Cơ khí Chế biến và Công nghệ sau thu hoạch có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các loại thiết bị cơ khí, thiết bị chế biến và bảo quản sau thu hoạch cũng như một số công nghệ chế biến hiện đại với nội dung như: cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính toán thiết kế các loại máy móc thiết bị phục vụ trong lĩnh vực chế biến nông sản, lương thực và thực phẩm.

Tổ chuyên ngành Cơ khí giao thông có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu vận hành các thiết bị máy móc phục vụ trong lĩnh vực giao thông công cộng, thiết kế và vận hành hệ thống truyền động, thiết kế vận hành các hệ thống điện ô tô,... phục vụ trong lĩnh vực giao thông công cộng trong khu vực.

Tổ chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu vận hành các cơ sở và thiết bị nhiệt phục vụ trong lĩnh vực nhiệt, thiết kế và vận hành hệ thống nhiệt,... phục vụ hỗ trợ trong lĩnh vực kỹ thuật nhiệt.

Đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu của Bộ môn Kỹ thuật cơ khí gồm 37 cán bộ, trong đó:

- Trình độ Tiến sĩ: 03
- Trình độ Thạc sĩ: 17 (3 cán bộ đang thực hiện nghiên cứu sinh)
- Trình độ Đại học: 13 (3 cán bộ đang học Thạc sĩ)
- Trình độ trung cấp kỹ thuật: 4

Cơ sở vật chất: Bộ môn hiện đang quản lý 7 Phòng thí nghiệm

1. PTN Vật liệu và Cơ sở thiết kế máy
2. PTN CAD/CAM/CNC
3. PTN Thủy lực, khí nén
4. PTN Kỹ thuật nhiệt
5. PTN Bơm, quạt, máy nén và Máy nông nghiệp
6. PTN Ô tô, máy kéo
7. PTN Máy và thiết bị chế biến lương thực - thực phẩm

Nhiệm vụ đào tạo:

- Kỹ sư Cơ khí chế biến
- Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Kỹ sư Cơ khí giao thông.
- Liên thông bậc đại học chuyên ngành Cơ khí chế biến
- Thạc sĩ Cơ khí, Cơ khí chế tạo máy (*tham gia đào tạo cùng với ĐHBK TP. HCM từ năm 2009*).

Số lượng sinh viên tuyển vào hằng năm 250 - 300 sinh viên

Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Đây là một trong 2 nhiệm vụ quan trọng của Bộ môn. Trong 15 năm qua, tập thể cán bộ của Bộ môn đã thực hiện tổng cộng 17 đề tài nghiên cứu khoa học. Trong đó có, 1 đề tài cấp Nhà nước, 2 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp Trường, 5 đề tài hợp tác với các địa phương. Đặc biệt, có 6 đề tài nghiên cứu trong các chương trình hợp tác quốc tế. Bộ môn đã công bố trên 15 bài báo khoa học trên các tạp chí hay kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước mà trong đó cán bộ của Bộ môn là tác giả hoặc đồng tác giả.

Sứ mạng: Chương trình đào tạo ngành CKCB trang bị cho sinh viên hiểu biết về ngành CKCB với các hướng chuyên ngành là: kỹ thuật và thiết bị chế biến lương thực, kỹ thuật và thiết bị chế biến thực phẩm, kỹ thuật và thiết bị nhiệt, kỹ thuật và thiết bị sấy, bảo quản nông sản thực phẩm trên cơ sở kiến thức khoa học toán học, vật lý, hóa học, điện học, cơ học, máy tính, kỹ thuật và công nghệ. Sinh viên tốt nghiệp chương trình CKCB nắm vững kiến thức cơ bản lĩnh vực Cơ khí chung và các hướng chuyên sâu như kỹ thuật và thiết bị chế biến lương thực, kỹ thuật và thiết bị chế biến

thực phẩm, kỹ thuật và thiết bị nhiệt, kỹ thuật và thiết bị sấy, bảo quản nông sản thực phẩm.

Tầm nhìn: Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCB sẽ được đánh giá và công nhận theo tiêu chuẩn AUN (2015) và ABET (2020).

2. Phương pháp thực hiện đánh giá

Tổ kiểm định chất lượng của Bộ môn đã tổ chức họp bàn phương pháp thực hiện và cách thực hiện đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí Chế biến K34, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân.

Tổ kiểm định của Bộ môn cũng đã tiến hành lấy ý kiến sinh viên thông qua các phiếu câu hỏi điều tra sinh viên. Các thành viên được phân công viết báo cáo dựa trên các minh chứng thu thập cho từng tiêu chí và các số liệu thu thập được.

Thư ký và tổ trưởng có nhiệm vụ tổng hợp điểm mạnh, điểm yếu và kết luận về kết quả kiểm định. Việc cho điểm tự đánh giá của các tiêu chí được lấy theo ý kiến chung của các thành viên trong Tổ.

3. Mô tả ngắn gọn về chương trình

Chương trình đào tạo Cơ khí Chế biến (CKCB) áp dụng cho khóa 34 (năm 2008) bao gồm **135** tín chỉ trong đó có 96 tín chỉ bắt buộc, 39 tín chỉ tự chọn và được chia thành 3 khối kiến thức chính: khối kiến thức giáo dục đại cương có 55 tín chỉ (bắt buộc 41, tự chọn 14) chiếm 40.7%; khối kiến thức cơ sở ngành có 32 tín chỉ (bắt buộc 30, tự chọn 2) chiếm 23.7%; khối kiến thức chuyên ngành có 48 tín chỉ (bắt buộc 25, tự chọn 23) chiếm 35.6%. Hình thức đào tạo: Chính quy

Mục tiêu đào tạo chuyên ngành CKCB là đào tạo kỹ sư Cơ khí Chế biến có (i) kiến thức cơ bản về lĩnh vực cơ khí; (ii) kiến thức chuyên sâu theo hướng cơ khí chế biến lương thực – thực phẩm, chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; (iii) có khả năng tự học, tự nghiên cứu, liên tục cập nhật kiến thức chuyên môn và tiếp tục học sau đại học. Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư Cơ khí Chế biến có thể làm việc ở các công ty, xí nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân có liên quan trong lĩnh vực cơ khí chung, cơ khí chế biến, và một số lĩnh vực khác. Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp chuyên ngành CKCB, sinh viên cũng có thể học thêm các bằng đại học khác, hoặc học tiếp chương trình sau đại học ở các trường trong và ngoài nước, hoặc tham gia các nghiên cứu chuyên sâu. Sinh viên tốt nghiệp từ ngành CKCB được trang bị khá đầy đủ kiến thức chuyên môn trong các lĩnh vực cơ khí chung và chuyên ngành cơ khí chế biến cũng như các kiến thức hỗ trợ khác, phục vụ tốt cho công việc trong tương lai.

4. Giới thiệu tổ đánh giá

Tổ tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế biến khóa 34 gồm có 05 thành viên: 01 tổ trưởng, 04 thành viên, 01 thư ký.

Bảng 2: Thành viên tổ đánh giá AUN ngành Cơ khí chế biến

TT	Họ và tên	Chức vụ-đơn vị	Email	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn Cường	Bm Kỹ thuật Cơ khí	nvcuong	Tổ trưởng

2	Nguyễn Văn Khải	Phó Trưởng Bộ môn	nvkhai	Thành viên
3	Trần Văn Nhã	Bm Kỹ thuật Cơ khí	tvnha	Thành viên
4	Nguyễn Bông	Bm Kỹ thuật Cơ khí	nbong	Thành viên
5	Nguyễn Văn Tài	Bm Kỹ thuật Cơ khí	nvtai	Thư ký

PHẦN 2. MÔ TẢ

1. Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình Kỹ sư CKCB sẽ có được:

- Khả năng áp dụng các kiến thức về toán, khoa học - kỹ thuật để giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực cơ khí nói chung, CKCB nói riêng.
- Khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, phân tích và xử lý dữ liệu.
- Khả năng thiết kế cơ khí bằng các phần mềm trợ giúp như CAD.
- Khả năng thiết kế, vận hành và sửa chữa hệ thống cơ khí đối với các máy móc thiết bị trong lĩnh vực cơ khí và CKCB.
- Khả năng giao tiếp hiệu quả:
 - o Khả năng viết báo cáo, trình bày và diễn đạt.
 - o Trình độ ngoại ngữ (Anh hay Pháp) tương đương chứng chỉ A.
 - o Khả năng làm việc nhóm
- Khả năng sử dụng các kỹ thuật, kỹ năng, và công cụ cần thiết trong thực tế kỹ thuật.
- Ý thức công dân, hiểu biết và tôn trọng luật pháp, có khả năng hiểu biết các vấn đề kinh tế - xã hội.
- Ý thức được sự cần thiết của việc học suốt đời, có kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết

2.1 Trường có sử dụng chương trình chi tiết

- Chương trình chi tiết được biên soạn dựa trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành kết hợp kiến thức nền của chuyên ngành Cơ khí đồng thời bổ sung các chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực Cơ khí chế biến.
- Chương trình chi tiết Cơ khí chế biến được ban hành năm 2005 với khóa đầu tiên là Cơ khí chế biến K31.

2.2 Chương trình chi tiết nêu rõ kết quả học tập mong đợi

- Chương trình đào tạo được thiết lập dựa trên kết quả học tập mong đợi, các học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cần thiết trước khi tốt nghiệp.

Bảng 3. Bảng đối chiếu kết quả học tập mong đợi ứng với các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Kết quả học tập mong đợi	Tên học phần
1	Khả năng áp dụng các kiến thức về toán, khoa học - kỹ thuật để giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực cơ khí	TN001, TN002, TN014, TN015, TN021, TN022, CN136, CN137, CN139, CN142, CN145, CN153, CN159, CN189, CN426, CN427,

	nói chung, CKCB nói riêng.	CN 428, CN429, CN433, CN455, NN221, NN222....
2	Khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, phân tích và xử lý dữ liệu.	TN010, CN138, CN152, CN152, CN195, CN530,
3	Khả năng thiết kế cơ khí bằng các phần mềm trợ giúp như CAD.	CN132, CN141, CN392, ...
4	Khả năng thiết kế , vận hành và sửa chữa hệ thống cơ khí đối với các máy móc thiết bị trong lĩnh vực cơ khí và CKCB.	CN195, CN530, CN162, CN427, CN429, CN417, CN437,
5	Khả năng giao tiếp hiệu quả: <ul style="list-style-type: none"> ○ Khả năng viết báo cáo, trình bày và diễn đạt. ○ Trình độ ngoại ngữ (Anh hay Pháp) tương đương chứng chỉ A. ○ Khả năng làm việc nhóm 	CN137, CN139, CN195, CN155, CN120, CN801, CN802, CN803, CN451, XH004, XH005, XH006, XH019,...
6	Khả năng sử dụng các kỹ thuật, kỹ năng, và công cụ cần thiết trong thực tế kỹ thuật.	CN139, CN137, CN162, CN417, CN427, CN429, CN437,...
7	Ý thức công dân , hiểu biết và tôn trọng luật pháp, có khả năng hiểu biết các vấn đề kinh tế - xã hội.	QP001, ML009, ML010, ML006, ML011, KL001, XH028,...
8	Ý thức được sự cần thiết của việc học suốt đời, có kỹ năng tự học và tự nghiên cứu	CN145, CN195, CN162, CN427, CN429, CN437, CN450, CN451, CN530,...

2.3 Chương trình chi tiết cung cấp nhiều thông tin và được phổ biến cho các bên liên quan:

- Chương trình chi tiết cung cấp cho thí sinh nhiều thông tin về ngành Cơ khí chế biến.
- Chương trình chi tiết giúp sinh viên giúp sinh viên xác định được phương hướng, phương pháp học tập để đạt được kết quả mong muốn.
- Chương trình chi tiết giúp giảng viên phụ trách học phần trong chương trình đào tạo hiểu rõ hơn kiến thức sinh viên cần đạt sau khi kết thúc học phần.
- Chương trình chi tiết giúp các nhà tuyển dụng có thể hiểu được kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp ra trường.
- Các thí sinh, sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng,... có thể xem chương trình chi tiết ngành Cơ khí chế biến trên website khoa Công nghệ, Trường Đại học Cần Thơ.

3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình

3.1 Chương trình có sự cân đối giữa các khối kiến thức:

- CTĐT chuyên ngành CKCB được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành, có sự cân đối giữa kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành. Trong đó, kiến thức đại cương 40,7%, kiến thức cơ sở ngành 23,7%, kiến thức chuyên ngành 35,6%.

3.2 Nội dung của chương trình đào tạo phản ánh sứ mạng và tầm nhìn của trường:

- Mục tiêu của CTĐT được xây dựng trên cơ sở sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHCT là nhằm đào tạo ra đội ngũ kỹ sư có kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực Cơ khí chế biến, cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động. Nội dung chương trình không chỉ cung cấp cho người học kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, mà còn nhiều học phần thực hành/thực tập nhằm nâng kỹ năng tay nghề (A.TC.02.15) đáp ứng được nhu cầu lao động chất lượng cao cho cả nước.

3.3 Sự góp phần đạt được kết quả học tập mong đợi của từng học phần được thể hiện rõ

- Các học phần trong chương trình giúp đạt được kết quả học tập mong đợi, ứng với từng yêu cầu sẽ có các học phần tương ứng để đạt được kết quả đã đề ra. (2.2)

3.4 Cấu trúc chương trình đào tạo được thiết kế để các học phần có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau.

- Trước khi đăng ký các học phần chuyên ngành như: Máy và chế biến lương thực, Máy và chế biến thực phẩm,... sinh viên sẽ được trang bị các học phần đại cương (Cơ nhiệt đại cương, hóa vô cơ và hóa đại cương,...), học phần cơ sở ngành (cơ lý thuyết, sức bền vật liệu, kỹ thuật thực phẩm đại cương,...) giúp sinh viên có lượng kiến thức cần thiết.
- Trong quá trình học tập, các học phần chuyên ngành sẽ tổng hợp kiến thức từ các học phần đại cương, cơ sở ngành và phát triển kiến thức chuyên ngành qua đó giúp sinh củng cố kiến thức đã học và tiếp thu kiến thức mới.

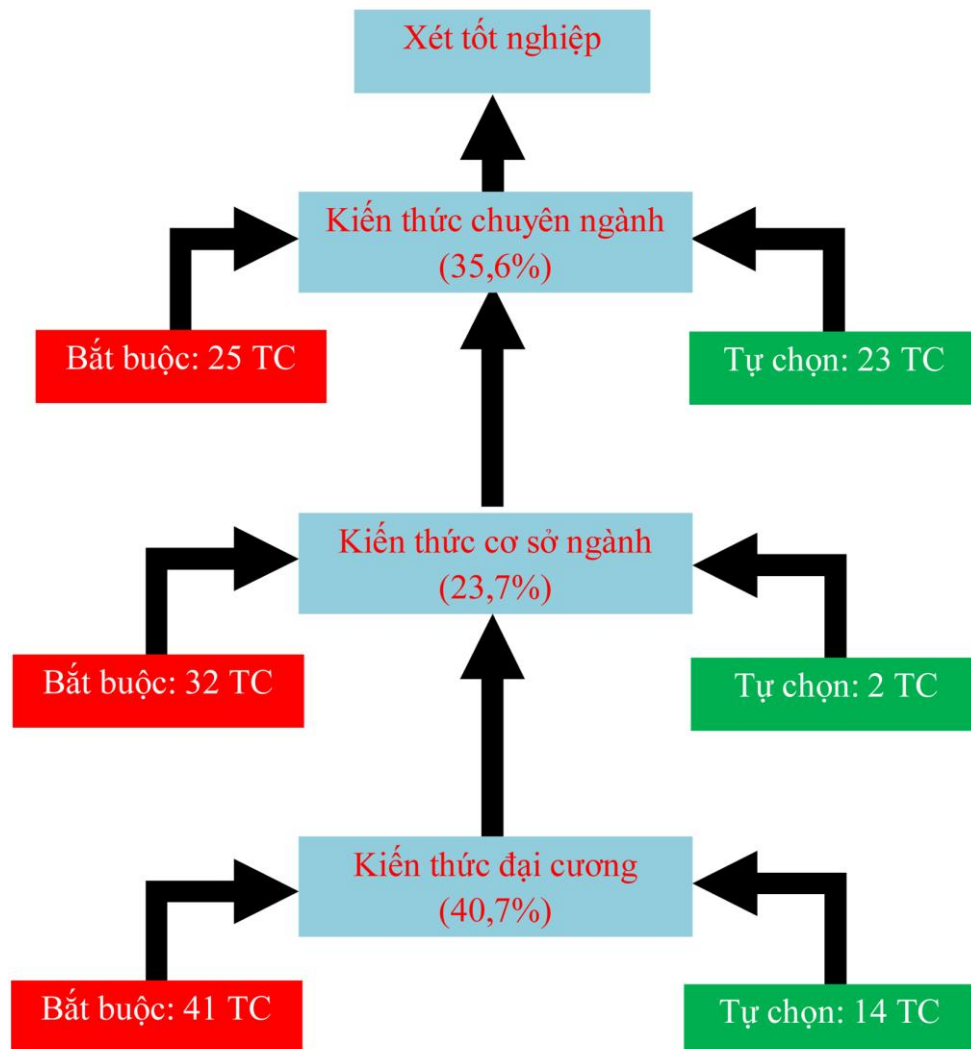
3.5 Chương trình thể hiện chiều rộng và chiều sâu

- Chương trình đào tạo không chỉ cung cấp cho sinh viên kiến thức khoa học, chuyên môn mà còn trang bị những kỹ năng tay nghề trong lĩnh vực cơ khí chung, và CKCB chuyên ngành. Các học phần giáo dục đại cương, và khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế theo nhóm ngành liên quan và có sự thống nhất giữa các tổ chuyên ngành nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có thể đăng ký học để lấy bằng cấp thứ 2 ở các chuyên ngành gần (A.TC.02.01). Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia và đóng góp ý kiến của các tổ chuyên ngành, tất cả các cán bộ giảng dạy, cán bộ phục vụ giảng dạy của Bộ môn và các Bộ môn có liên quan, được thông qua Hội đồng Khoa học của Khoa Công nghệ (A.TC.03.01).
- Đặc biệt, nhóm học phần tự chọn, luận văn tốt nghiệp và thay thế luận văn tốt nghiệp giúp sinh viên có thể hướng vào các hướng chuyên ngành chủ yếu của

lĩnh vực CKCB là là máy và thiết bị chế biến lương thực, máy và thiết bị chế biến thực phẩm, kỹ thuật và thiết bị nhiệt, kỹ thuật và thiết bị sấy bảo quản nông sản thực phẩm. Trên website của Trường có công bố đầy đủ CTĐT và đề cương chi tiết các học phần để người học tham khảo (A.TC.02.15).

3.6 Chương trình thể hiện rõ các học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp

- Chương trình đào tạo thể hiện rõ cấu trúc của chương trình đào tạo. Để hoàn thành khóa học, sinh viên được đào tạo 55 tín chỉ đại cương (41 tín chỉ bắt buộc, 14 tín chỉ tự chọn), 34 tín chỉ cơ sở ngành (32 tín chỉ bắt buộc, 2 tín chỉ tự chọn), 48 tín chỉ kiến thức chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp (25 tín chỉ bắt buộc, 23 tín chỉ tự chọn). Khi hoàn thành đủ các tín chỉ của chương trình đào tạo sinh viên làm hồ sơ xét tốt nghiệp đúng theo quy định của trường.



Hình 1. Sơ đồ cấu trúc chương trình ngành Cơ khí chế biến

3.7 Nội dung chương trình được cập nhật:

- Chương trình có được cập nhật hàng năm, tùy theo môn học để đáp ứng nhu cầu phát triển của kỹ thuật trong sản xuất thực tế. Các kiến thức cập nhật giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp tham gia sản xuất trong nhà máy thuận lợi hơn.

4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập

- Đội ngũ giảng dạy chuyên ngành có kiến thức chuyên môn tốt, nhiệt tình, phần lớn thành thạo các kỹ năng về máy tính và ngoại ngữ.
- Giảng viên có kế hoạch giảng dạy, triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực tùy theo yêu cầu của môn học và điều kiện thực tế, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Các phương thức giảng dạy đều nhằm đến mục tiêu tích cực hóa quá trình học tập của sinh viên.
- Chiến lược giảng dạy được thống nhất trong Bộ môn thông qua danh sách phân công được phổ biến công khai (A.TC.6.01). Dùng phương pháp học đi với hành, tạo ra sản phẩm để kích thích sinh viên, làm sinh viên hiểu rõ hơn lý thuyết. Cách tổ chức hoạt động đào tạo (tổ chức sinh viên thành các nhóm luân phiên báo cáo và trả lời chất vấn), ngoài việc tạo cho sinh viên tinh thần tích cực học tập, còn rèn luyện cho sinh viên nhiều kỹ năng cần thiết khác.
- Tăng cường các kỹ năng mềm cho sinh viên thông qua các báo cáo chuyên đề, các buổi trao đổi kinh nghiệm với các cựu sinh viên, đặc biệt với các chủ doanh nghiệp. Sinh viên có thể trao đổi chuyên môn với giảng viên một cách dễ dàng thông qua hệ thống e-mail. Bộ môn cũng sử dụng hệ thống internet không dây (Wi-Fi) để phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên và cán bộ giảng dạy. Kiến thức thực tế của sinh viên cũng được tích lũy thông qua các đợt tham quan thực tế tại các cơ sở sản xuất, cơ quan, công ty bên ngoài.
- Kế hoạch giảng dạy được quản lý theo từng học kỳ và năm học thông qua Kế hoạch học tập toàn khóa và kế hoạch học tập theo từng học kỳ của sinh viên. Bên cạnh đó, các thông tin đầy đủ về nội dung ở các đề cương chi tiết học phần của mỗi môn học cũng được thông báo cho sinh viên (A.TC.02.15).

5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên

5.1 Đánh giá đầu vào

- Sinh viên trúng tuyển ngành Cơ khí chế biến khi sinh viên đạt số điểm cao hơn hoặc bằng điểm chuẩn đối với khối ngành theo quy định của trường.
- Tân sinh viên cần được kiểm tra đầu vào để biết được trình độ, năng lực của sinh viên từ đó có hướng đào tạo hợp lý.

5.2 Đánh giá quá trình học tập

- Đánh giá, kiểm tra được thực hiện vào mỗi học kỳ. Các hình thức đánh giá rất đa dạng, tùy thuộc vào đặc thù của từng môn học. Hình thức đánh giá học phần được người dạy công bố cho sinh viên biết ở buổi học đầu tiên.
- Đánh giá kết quả học tập ở mỗi học phần là công việc hết sức quan trọng trong công tác giảng dạy. Do đó, đánh giá học phần cần phải đạt các yêu cầu, hiệu quả và chính xác. Hiện nay, các hình thức đánh giá kết quả học tập của

người học dựa trên kết quả thi giữa học kỳ , thi cuối kỳ , kết hợp với thái độ học tập , kết quả các bài tập ở lớp , ở nhà , báo cáo thực tập ở phòng thí nghiệm, bài báo cáo theo đúng quy trình của nhà trường (A.TC.05.01). Tùy theo mục đích, yêu cầu của từng học phần, đối tượng người học, cán bộ giảng dạy có hình thức đánh giá phù hợp và tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính khách quan, chính xác theo quy chế tín chỉ (A.TC.05.02). Người dạy trực tiếp trả lời các thắc mắc , khiếu nại về kết quả bài kiểm tra của sinh viên . Kết quả môn học được nhập vào hệ thống quản lý . Bảng điểm được nộp cho Khoa, Trường để quản lý. Việc đánh giá, xếp loại học tập của sinh viên được dựa theo thang điểm 4 (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) (A.TC.05.03).

- Quy trình và hình thức đánh giá học phần được thực hiện theo quy định của nhà trường với các tiêu chí rõ ràng , phù hợp với tính đặc thù của từng học phần như:
 - Tiêu chí chấm điểm luận văn , tiểu luận, đồ án: đánh giá qua hình thức trình bày, nội dung thực hiện, tính khoa học cần thiết, kết quả đạt được và ứng dụng thực tiễn, kỹ năng thuyết trình trước hội đồng, trả lời các câu hỏi đặt ra của hội đồng.
 - Tiêu chí đánh giá thực hành : đánh giá theo từng bài thực tập thông qua viết báo cáo, vấn đáp trực tiếp, tiến hành trực tiếp trên thiết bị thí nghiệm và kết hợp quá trình thực tập của sinh viên.
 - Học phần lý thuyết: Các bài kiểm tra trên giờ học, kỳ thi giữa kỳ, đánh giá chuyên cần và thi cuối kỳ.
- Sinh viên tham gia học tập tại Trường được đánh giá cả hai mặt: kết quả học tập và rèn luyện tư tưởng, đạo đức. Một sinh viên tham gia học tại Trường sẽ được đánh giá kết quả học tập thông qua điểm của từng học phần do cán bộ giảng dạy đánh giá; và được đánh giá thái độ, đạo đức thông qua việc đánh giá kết quả rèn luyện do cố vấn học tập thực hiện. Các sinh viên có kết quả học tập kém sẽ được Nhà Trường nhắc nhở, cố vấn học tập sẽ tư vấn lại kế hoạch học tập cho sinh viên đó, sao cho phù hợp với khả năng học tập, tạo điều kiện cho sinh viên có thể theo kịp CTĐT.

5.3 Đánh giá đầu ra

- Khi sinh viên học xong các môn chuyên ngành, sinh viên đăng ký làm luận văn tốt nghiệp với thư ký bộ môn để nhận phiếu đề tài luận văn. Sinh viên được phép tự chọn đề tài và cán bộ hướng dẫn làm luận văn hoặc đăng ký đề tài được cán bộ giảng dạy công bố. Trong suốt quá trình làm luận văn, sinh viên sẽ làm trực tiếp với cán bộ hướng dẫn để hoàn thành luận văn.
- Khi báo cáo luận văn sinh viên sẽ thuyết trình trước hội đồng bảo vệ luận văn, cán bộ hướng dẫn và cán bộ hội đồng sẽ đặt câu hỏi liên quan đến chủ đề sinh viên thực hiện. Từ kết quả của sinh viên, mỗi cán bộ sẽ tự cho điểm và nộp lại thư ký bộ môn, thư ký bộ môn sẽ tổng hợp và tính điểm trung bình cho sinh viên và quy đổi sang thang điểm chữ, công bố kết quả đến sinh viên.
- Khi sinh viên hoàn thành luận văn tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế luận văn tốt nghiệp, sinh viên tiến hành làm hồ sơ xét tốt nghiệp ra trường.

Bộ môn sẽ kiểm tra hồ sơ, nếu sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp ra trường, bộ môn sẽ gửi hồ sơ đến khoa để công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy

6.1 Khả năng đáp ứng nhiệm vụ của giảng viên:

- Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Bộ môn quan tâm hàng đầu (A.TC.12.01). Tất cả các cán bộ giảng dạy ngay sau khi được tuyển dụng đều được tham gia khóa tập huấn phương pháp giảng dạy đại học.
- Cán bộ giảng dạy áp dụng nhiều phương pháp dạy và học, đồng thời lựa chọn phương pháp thích hợp nhất kết hợp với sử dụng nhiều loại phương tiện truyền thông trong dạy học để đạt được kết quả học tập mong đợi.
- Hầu hết giảng viên đều tự xây dựng đề cương chi tiết và bài giảng học phần được phân công và thực hiện tốt nhất ký giảng theo đề cương đề ra (A.TC.02.15). Phương pháp giảng dạy được giảng viên lựa chọn thích hợp với tình huống của nội dung từng học phần như: giảng lý thuyết có sử dụng máy chiếu biên soạn bài giảng và minh họa sinh động, cụ thể; đưa ra các tình huống thiết kế thực hành theo nhóm; thuyết trình, báo cáo .v.v...

6.2 Số lượng giảng viên

- Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí có tổng cộng 37 cán bộ (bảng 2), trong đó có 12 GVC, 16 GV. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ có 3 Tiến sĩ, 17 Thạc sĩ (trong đó có 3 cán bộ đang thực hiện nghiên cứu sinh), 13 kỹ sư trình độ đại học trong đó có 5 cán bộ đang học Thạc sĩ, 4 cán bộ có trình độ trung cấp phục vụ kỹ thuật ở các phòng thí nghiệm. Ngoài ra, cán bộ giảng dạy một số học phần cơ sở ngành còn có sự tham gia của nhiều giảng viên có trình độ sau đại học từ các bộ môn khác trong Khoa.

Bảng 3: Lực lượng cán bộ giảng viên của Bộ môn Kỹ thuật cơ khí năm 2011.

	Trung cấp	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
Giảng viên	-	8	7	1
Giảng viên chính	-	-	10	2
Giảng viên Th.hành	-	2	-	-
Nhân viên kỹ thuật	4	3	-	-
Tổng cộng	4	13	17	3

6.3 Tuyển dụng và thăng tiến

- Công tác tuyển chọn cán bộ giảng dạy được thực hiện công khai, tuyển chọn dựa trên kiến thức chuyên môn và tác phong đạo đức của ứng viên. Giảng viên trực tiếp giảng dạy, thông qua đoàn thanh niên theo dõi và bồi dưỡng những sinh viên giỏi về chuyên môn, đạo đức tốt ngay khi đang học. Công

tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình của nhà trường một cách nghiêm túc (A.TC.12.02), (A.TC.12.03).

- Công tác tuyển dụng và kế hoạch nâng bậc giảng viên được thực hiện theo quy trình của nhà trường một cách nghiêm túc.

6.4 Vai trò và mối quan hệ giữa các cán bộ được xác định rõ và được hiểu rõ

- Công tác phân công giảng dạy và một số hoạt động khác tại Bộ môn được thực hiện căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng tay nghề và được thực hiện công khai, theo nguyện vọng của cán bộ. (A.TC.06.01).

6.5 Phân công công tác

- Công tác phân công giảng dạy và một số hoạt động khác tại Bộ môn được thực hiện căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng tay nghề và được thực hiện công khai, theo nguyện vọng của cán bộ (A.TC.05.02).
- Giảng viên có thể đề xuất các ý kiến , ý kiến đóng góp , trình bày những tồn tại, bất cập trong công tác đào tạo trong các buổi họp giao ban Bộ môn . Nếu Bộ môn không đủ thông tin hay không đủ thẩm quyền giải quyết thì chuyển ngay lên Khoa để kịp thời trả lời, giải quyết thoả đáng cho cán bộ.

6.6 Khối lượng công việc và cơ chế khen thưởng

- Công tác phân công giảng dạy được thực hiện đúng tiến độ và quy trình của Trường. Việc phân công giảng dạy được công bố rõ ràng, minh bạch và phù hợp theo khả năng của giảng viên. (A.TC.06.01).
- Công tác quản lý cán bộ được thực hiện đúng theo quy định của nhà trường . Cán bộ có thể chọn nơi làm việc tốt nhất để hoàn thành công việc được giao (A.TC.06.02). Đánh giá cán bộ ở Bộ môn được thực hiện hàng năm thông qua phiếu đánh giá công chức và tổ chức họp xét công khai , từng cán bộ nhận xét đồng nghiệp mình và bình bầu phiếu kín. Căn cứ vào phiếu bầu và đánh giá công khai, chọn ra những cán bộ tiêu biểu đề nghị khen thưởng (A.TC.06.03).

6.7 Trách nhiệm cán bộ được quy định hợp lý

- Giảng viên là người trực tiếp giảng dạy học phần và làm nhiệm vụ cố vấn học tập cho sinh viên theo quy định của nhà trường, (A.TC.06.01), (A.TC.09.02). Ngoài ra, giảng viên còn tham gia công tác nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất và công tác quản lý đào tạo của bộ môn.

6.8 Có kế hoạch thăm định, tư vấn và sắp xếp lại nhân sự

- Thông qua họp giao ban bộ môn, cán bộ thường xuyên góp ý kiến trong công tác giảng dạy với tinh thần hợp tác, giúp nhau hoàn thiện học phần mình phụ trách.
- Bộ môn luôn đề cao tính kế thừa trong công tác giảng dạy, mỗi học phần đều có từ 2 cán bộ trở lên có thể giảng dạy học phần. Trong đó, 1 cán bộ giảng dạy chính có nhiệm vụ giảng dạy và đánh giá học phần, các cán bộ còn lại có nhiệm vụ hỗ trợ cho cán bộ giảng dạy chính và tham gia giảng dạy khi cần thiết.

6.9 Thôi việc, nghỉ hưu và phúc lợi xã hội được lập kế hoạch và thực hiện tốt

- Các quyết định về nhân sự như cho thôi việc, nghỉ hưu và các phúc lợi xã hội đều được Khoa kết hợp với Trường lên kế hoạch và thực hiện tốt.
- Giảng viên có thể đề xuất các ý kiến, ý kiến đóng góp, trình bày những tồn tại, bất cập trong công tác đào tạo trong các buổi họp giao ban Bộ môn. Nếu Bộ môn không đủ thông tin hay không đủ thẩm quyền giải quyết thì chuyển ngay lên Khoa để kịp thời trả lời, giải quyết thoả đáng cho cán bộ.

6.10 Có hệ thống đánh giá, khen thưởng hợp lý

- Từ cơ sở kết quả đề nghị khen thưởng của bộ môn và tổ công đoàn bộ môn, Trường Khoa và Công đoàn Khoa xem xét, phê duyệt và đề nghị Trường quyết định khen thưởng cán bộ hàng năm (A.TC.06.03).

Bảng 4 và Bảng 5 bên dưới thống kê số lượng giảng viên cơ hữu và tỉ lệ sinh viên/giảng viên của Bộ môn hiện tại.

Bảng 4: Cán bộ giảng viên

Phạm trù cán bộ	Nam	Nữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng tiến sĩ
			Số lượng thực tế CB giảng viên	Số lượng CB giảng viên quy đổi thành giảng viên toàn thời gian (FTEs)*	
Giáo sư					
Giảng viên cơ hữu (toàn thời gian)	29	1	30	30	10%
Giảng viên bán thời gian					
Giảng viên thỉnh giảng	1	2	3	3	
Cán bộ phục vụ	7		7	1,4	
Tổng cộng	37	3	40	34,4	10%

* FTE là viết tắt của Full Time Equivalent. Đây là một đơn vị tính mức đầu tư thời gian vào công việc. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian). Một cán bộ giảng viên làm việc 8 giờ/tuần sẽ tương đương với 0.2 FTE.

Bảng 5: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên và tỷ lệ giảng viên/sinh viên cao học

Tổng số FTE tham gia đào tạo (1)	Tổng số sinh viên (2)	Tổng số sinh viên cao học năm/....	Tổng số sinh viên tính trên một giảng viên toàn thời gian	Tổng số sinh viên cao học tính trên một giảng viên giảng dạy cao học
34,4	320		9,3	

1) Ước lượng thực tế số FTE sử dụng để đào tạo.

2) Số sinh viên đăng ký theo chương trình vào đầu năm 2010/2011. Nếu số liệu của năm vừa qua không mang tính đại diện vì có những biến động lớn thì nên nêu rõ trong phần chính văn.

7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ

- Bộ môn có lực lượng cán bộ hỗ trợ giảng dạy, giảng viên thực hành và cán bộ phục vụ kỹ thuật. Các cán bộ này ngoài nhiệm vụ hỗ trợ giảng dạy thực hành cùng với giảng viên, còn có nhiệm vụ chuẩn bị dụng cụ, thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm hiện nay. Mỗi phòng thí nghiệm đều có 1 giảng viên phụ trách chính (A.TC.06.04).
- Khoa cũng có 02 biên chế cho đội ngũ nhân viên, 01 Thư viện Khoa, 01 nhân viên quản lý, sửa chữa nâng cấp các phòng thực tập tin học và 07 nhân viên phòng hành chính. Khoa Công Nghệ là một trong những Khoa lớn của trường với 13 chuyên ngành đào tạo. Do đó, với số lượng nhân viên phục vụ hiện nay đã quá tải ở phòng thí nghiệm. Bộ môn cũng có hệ thống cố vấn học tập theo quy định của nhà trường (A.TC.09.01).

8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên

- Điểm chuẩn vào trường Đại học Cần Thơ phải lớn hoặc bằng điểm sàn do Bộ giáo dục và đào tạo qui định. Điểm sàn của Đại học cao đẳng năm 2008 (tương ứng Khoá K34) đối với ngành CKCB như sau:

KV3			KV2			KV2NT			KV1		
N3	N2	N1	N3	N2	N1	N3	N2	N1	N3	N2	N1
13	12	11	12.5	11.5	10.5	12	11	10	11.5	10.5	9.5

Có văn bản kèm theo số 1424 TB-ĐHCT, ngày 09 tháng 08 năm 2008.

- Số lượng tuyển sinh hệ chính quy ngành CKCB từ khoá 31 trở lại đây nhìn chung có tăng như trình bày ở bên dưới. Nhu cầu phát triển kinh tế xã hội nói chung và công nghiệp nói riêng đối với ngành điện là rất lớn. Do đó, nhu cầu đào tạo ngành CKCB cũng tăng lên hàng năm.

Khóa	K.31	K.32	K.33	K.34	K.35	K.36
Số lượng sinh viên	55	62	87	94	80	80

- Việc chọn sinh viên đầu vào cho từng chuyên ngành được dựa vào điểm chuẩn sau thi tuyển và nguyện vọng của sinh viên.
- Khoá 34 là khóa học sử dụng CTĐT tín chỉ triệt để. Qua phản ánh của các Thầy cô tham gia giảng dạy thì nhìn chung các em đã nắm rõ CTĐT trong việc lập kế hoạch học tập. Các em hài lòng với CTĐT và am hiểu chuyên ngành, yêu thích nghề nghiệp; tuy nhiên chưa có những khảo sát điều tra chính thức bằng phiếu.
- Ngành CKCB đã được đào tạo từ năm 2005 (Khóa 31) đến nay và đã ra trường được 3 Khóa. Hầu hết các em có việc làm khá phù hợp và đúng chuyên ngành. Nhiều em đã khẳng định trình độ chuyên môn của mình và giữ những vị trí quan trọng trong công ty. Đây được xem là một kết quả rất khả quan.

Bảng 6. Sinh viên tuyển mới năm thứ nhất (Số liệu cập nhật ngày 01/10/2010)

Năm học	Toàn thời gian			Bán thời gian		
	Nam	Nữ	Tổng cộng	Nam	Nữ	Tổng cộng
2010 (<i>Khóa 36</i>)	75	6	81			

Bảng 7. Tổng số sinh viên (tính 5 năm gần đây nhất)

Năm học	Toàn thời gian			Bán thời gian		
	Nam	Nữ	Tổng cộng	Nam	Nữ	Tổng cộng
2006 (<i>Khóa 32</i>)	51	13	64			
2007 (<i>Khóa 33</i>)	87	0	87			
2008 (<i>Khóa 34</i>)	90	4	94			
2009 (<i>Khóa 35</i>)	68	1	69			
2010 (<i>Khóa 36</i>)	75	6	81			

9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên

- Khoa, Bộ môn có các nhân viên văn phòng, nhân viên thư viện, đặc biệt là có hệ thống cố vấn học tập (A.TC10.1), (A.TC10.2) hỗ trợ việc học tập của sinh viên.
- Việc sinh hoạt với tân sinh viên được Khoa, Bộ môn thực hiện chu đáo vào đầu mỗi năm học mới nhằm cung cấp các thông tin hữu ích về Trường, Khoa, Bộ môn, chương trình đào tạo, các phòng thí nghiệm, nội quy, cách đánh giá, phương pháp học tập ở bậc đại học... (A.TC10.3), (A.TC10.4). Đối với sinh viên các khóa cũ thì Bộ môn tổ chức cuộc họp toàn thể các sinh viên các ngành cơ khí vào đầu năm học hàng năm. Nhằm lắng nghe phản ánh, ý kiến đóng góp, những tồn tại để hỗ trợ công tác học tập cho các em. Đối với sinh viên khóa mới ngoài tổ chức tiếp sinh viên theo kế hoạch của trường. Bộ môn còn tổ chức buổi sinh hoạt giới thiệu Bộ môn, giới thiệu ngành nghề và những tiến bộ khoa học công nghệ mới có liên quan.
- Trường cũng có ban hành quy chế học vụ rõ ràng để sinh viên có thể nắm vững các quy định liên quan đến việc học tập (A.TC10.5), (A.TC10.6), (A.TC10.7).
- Bổ sung các hoạt động chính khóa hoặc ngoại khóa nhằm hỗ trợ sinh viên (học bổng, hội chợ việc làm, hội thảo ...)

10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

- Trường Đại học Cần Thơ là một trường đào tạo đa chuyên ngành phục vụ cho toàn Đồng bằng sông Cửu Long nên việc đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao là một vấn đề được đặt lên hàng đầu. Để làm được điều đó, Trường đã đầu tư nhiều trang thiết bị, cơ sở hạ tầng đáp ứng được nhu cầu giảng dạy cho từng Khoa, Bộ môn. Đặc biệt, là dự án nâng cao chất lượng giáo dục C2 đã đầu tư cho Bộ môn các trang thiết bị giảng dạy và nghiên cứu hiện đại, bổ sung cho Phòng thí nghiệm phục vụ chuyên ngành đào tạo CKCB của Bộ môn (A.TC.10.01).
- Bên cạnh nguồn đầu tư từ nhà trường, Bộ môn nỗ lực tìm các hướng hợp tác và đã nhận thiết bị tài trợ từ tập đoàn Toyota, tập đoàn Hyundai và một số Công ty khác ở khu vực ĐBSCL (A.TC.10.02), (A.TC.10.03).
- Hiện nay, Trường có Trung tâm học liệu hiện đại nhất Đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, Trường cũng đầu tư cho mỗi Khoa một thư viện nên rất thuận lợi cho việc tra cứu và tìm kiếm thông tin cho sinh viên và cán bộ, đáp ứng được khoảng 70 – 80 % nhu cầu của sinh viên và cán bộ.
- Ngoài ra, Trường còn đầu tư hơn 1000 máy tính công cộng để phục vụ sinh viên nghiên cứu, tra cứu tài liệu và học tập.
- Khoa Công nghệ cũng đảm bảo được các điều kiện về cơ sở vật chất để nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.
- Phòng thí nghiệm: Bộ môn có tổng cộng 7 phòng thí nghiệm: PTN Vật liệu và Cơ sở thiết kế máy, PTN CAD/CAM/CNC, PTN Thủy lực và khí nén, PTN Kỹ thuật nhiệt, PTN Bơm – quạt – máy nén và Máy nông nghiệp, PTN Ô tô và máy kéo, PTN Máy và thiết bị chế biến lương thực - thực phẩm, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy thực tập/ thực hành cho sinh viên.
- Hàng năm, thiết bị được kiểm tra định kỳ, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, nâng cao tuổi thọ thiết bị đồng thời đề ra kế hoạch sửa chữa, thay thế đối với các thiết bị hư cũ hoặc công nghệ quá cũ kỹ không phù hợp với công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, thông qua quan hệ cá nhân giữa cán bộ và doanh nghiệp khuyến khích doanh nghiệp hỗ trợ trang thiết bị công nghệ mới để nâng cao chất lượng giảng dạy.

11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập

- Bộ môn Kỹ thuật Cơ Khí có các nhóm chuyên ngành của Bộ môn. Chương trình đào tạo (CTĐT) được điều chỉnh, cập nhật và bổ sung mỗi năm. Các nhóm chuyên ngành của Bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện bổ sung, điều chỉnh CTĐT tùy theo sự phát triển của kỹ thuật bên ngoài. Bộ môn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực theo đặc thù của từng môn học của ngành. Việc đánh giá kết quả học tập cũng được thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau, tùy theo đặc điểm từng môn học. Bộ môn có kênh thông tin từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên để kịp thời điều chỉnh CTĐT và nội dung một số học phần cho phù hợp thực tiễn.
- Hiện tại, công việc tổ chức thi được nhà trường phân cấp về Khoa nên Khoa cùng với cán bộ giảng dạy tổ chức thi hết học phần. Khoa không có Bộ phận phụ trách khảo thí riêng nhưng Bộ phận giáo vụ và Ban chủ nhiệm Khoa

thường xuyên giám sát, nhắc nhở cán bộ giảng dạy thực hiện nghiêm túc và đúng qui trình; đặc biệt là qua các cuộc họp giao ban hàng tuần.

- Việc đánh giá môn học và chương trình đào tạo được thực hiện trong quá trình đào tạo. Đánh giá môn học được cán bộ thường xuyên thực hiện khi kết thúc học phần thông qua phiếu đánh giá học phần.
- Sinh viên cũng tham gia vào quá trình đánh giá chất lượng đào tạo. Các ý kiến đánh giá của sinh viên rất được xem trọng vì đây là ý kiến rất thực tế và có giá trị để cải thiện chất lượng giảng dạy. Sau mỗi học phần, sinh viên tham gia đánh giá học phần bằng phiếu đánh giá môn học. Kết quả đánh giá môn học được Trung tâm đảm bảo chất lượng và khảo thí tổng hợp và gửi cho từng cán bộ giảng dạy tương ứng nhằm làm cơ sở để cải tiến phương pháp giảng dạy trong các học kỳ sau của cán bộ giảng dạy.

12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ

- Để tuyển nhân sự, Khoa và Bộ môn lập kế hoạch dài hạn và ngắn hạn chi tiết về việc tuyển dụng giảng viên và nhân viên. Bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đúng theo qui định của Trường đề ra và phù hợp với vị trí công việc (A.TC.12.05), (A.TC.12.03). Việc phát triển nguồn nhân lực của Bộ môn luôn gắn liền với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực theo đề án của Trường.
- Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Bộ môn quan tâm hàng đầu (A.TC.12.05). Tận dụng các mối quan hệ cá nhân của những cán bộ đang học tập nước ngoài giới thiệu những học bổng sau đại học cho các cán bộ khác. Tập thể giảng viên tham gia đóng góp ý kiến xuyên suốt quá trình xây dựng CTĐT (A.TC.02.15). Bộ môn có mối quan hệ tốt với một số trường Đại học trong và ngoài nước có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo và đội ngũ cán bộ có trình độ cao. Cán bộ trẻ được gửi đi Đại học Bách khoa Thành Phố Hồ Chí Minh bồi dưỡng kiến thức chuyên môn ở những học phần sẽ đảm trách.
- Để nâng cao chất lượng giảng viên, Bộ môn cũng qui hoạch hàng năm để cử cán bộ đi đào sau đại học, đi học nâng cao các khóa chuyên môn ngắn hạn, đi học các chuyên ngành mới để phục vụ cho việc phát triển các chương trình đào tạo mới (A.TC15.02).
- Bộ môn cũng đã mời được các “giảng viên” bên ngoài là những người có kinh nghiệm trong các doanh nghiệp bên ngoài, các cựu sinh viên thực hiện các buổi nói chuyện, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và chuyên môn cho sinh viên. Tuy nhiên, do các nguyên nhân khách quan, việc này chưa thực hiện được đều đặn thường xuyên, và chủ yếu chỉ thông qua quan hệ cá nhân.

13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

- CTĐT ngành CKCB được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD & ĐT và qui định của Nhà Trường. CTĐT cũng được cập nhật hàng năm theo sự phát triển và nhu cầu của ngành cơ khí chế biến và kinh nghiệm rút ra của các giảng viên qua quá trình giảng dạy.
- Việc lấy ý kiến trực tiếp từ các cựu sinh viên về các mặt mạnh, mặt yếu của từng Cán bộ, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, để Cán bộ có thể tự cải thiện

tốt phẩm chất, đạo đức và chuyên môn của mình qua mỗi lần họp mặt cựu sinh viên.

- Thông qua mối quan hệ cá nhân, lấy ý kiến từ các doanh nghiệp luôn được Bộ môn chú trọng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, giúp sinh viên tốt nghiệp áp dụng được kiến thức đã học vào sản xuất thực tế.

14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra

- Chương trình đánh giá cho chuyên ngành Cơ khí chế biến K34 nhưng đến nay sinh viên mới tốt nghiệp nên chưa có số liệu để đánh giá đầu ra.

15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan

15.1 Ý kiến sinh viên

- Có vấn học tập (CVHT) có vai trò rất quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên tại Trường. Tất cả các phản ánh của sinh viên đều có thể thông qua CVHT để được giải đáp, hoặc hướng dẫn cho sinh viên giải quyết các khó khăn trong suốt thời gian học tập tại Trường.
- Mỗi sinh viên đều được cung cấp một địa chỉ email cá nhân nên mọi phản ánh của sinh viên đều có thể gửi trực tiếp đến CVHT, lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa và Trường. (<http://forum.ctu.edu.vn>).
- Sinh viên đang học chấp nhận chương trình đào tạo vì có lý thuyết và thực hành góp phần đào tạo kỹ năng cho sinh viên trong chuyên ngành.

15.2. Ý kiến cựu sinh viên

- Hiện nay sinh viên Cơ khí chế biến K34 mới tốt nghiệp nên chưa có phản hồi từ cựu sinh viên.

15.3 Ý kiến của thị trường lao động

- Hiện nay sinh viên Cơ khí chế biến K34 mới tốt nghiệp nên chưa có phản hồi từ thị trường lao động đối với chương trình đào tạo của khóa K34.

PHẦN 3. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CÒN TỒN TẠI

1. Phân tích điểm mạnh

1.1 Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi

- Khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp khi va chạm các vấn đề thực tế liên quan đến chuyên ngành Cơ khí chế biến, sinh viên sẽ xác định được vấn đề đang bị vướng mắc từ đó có vận dụng kiến thức đã học kết hợp với tham khảo tài liệu để giải quyết vấn đề.
- Sinh viên có khả năng làm việc theo nhóm, theo đơn vị quản lý, có kỹ năng trao đổi với các đồng nghiệp để giải quyết vấn đề, có khả năng thuyết trình, thuyết phục mọi người về ý tưởng đề xuất của mình.
- Có khả năng tham khảo các tài liệu bằng tiếng Anh, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm.

1.2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết

- Chương trình chi tiết giúp sinh viên hiểu rõ về chuyên ngành mình học, các kỹ năng đạt được khi tốt nghiệp ra trường. Từ đó, sinh viên có hướng đầu tư về kiến thức và cơ sở vật chất cho lĩnh vực mình yêu thích.
- Chương trình chi tiết giúp cán bộ có cơ sở để chuẩn bị giáo trình, đề cương học phân phục vụ cho quá trình giảng dạy, đảm bảo kiến thức khi sinh viên kết thúc học phần.
- Chương trình chi tiết giúp doanh nghiệp hiểu rõ về chuyên ngành Cơ khí chế biến, có cách nhìn đúng hơn về đội ngũ kỹ sư khi tốt nghiệp ra trường. Qua đó, doanh nghiệp có thể liên hệ với Khoa, Bộ môn để đăng ký tuyển dụng những vị trí mà công ty đang cần.

1.3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình

- Nội dung chương trình đào tạo cung cấp đủ kiến thức chuyên môn và tay nghề cơ bản cho người học. Phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành đủ để sinh viên có thể theo học ở các mức cao hơn.
- Chương trình đào tạo được thiết kế hợp lý giữa kiến thức tổng quát, kiến thức chuyên môn, và các kỹ năng cần thiết. Chương trình được thiết kế nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất và hứng thú cho sinh viên, thu hút được nhiều người học.
- Chương trình đào tạo được thiết kế với các môn học có liên quan được tích hợp với nhau và củng cố các môn học khác trong chương trình.
- Cấu trúc chương trình đào tạo linh hoạt và có các hướng chuyên ngành chuyên sâu để sinh viên chọn lựa phù hợp với sở thích và nhu cầu thị trường lao động. Đặc biệt, chương trình đào tạo dễ dàng thực hiện đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học và học ngành thứ hai.
- Nội dung đa số các bài thực hành/thực tập đáp ứng được yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết dựa trên các theo trang thiết bị đã có.
- CTĐT được thiết kế với các học phần có liên quan được tích hợp với nhau và củng cố các môn học khác trong chương trình.

- Cấu trúc CTĐT chú trọng cả chiều rộng lẫn chiều sâu, được xây dựng chặt chẽ và có tổ chức.
- Cấu trúc chương trình thể hiện rõ các môn cơ bản, bổ trợ, chuyên ngành, và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp.
- CTĐT có nhiều học phần tự chọn và dễ dàng điều chỉnh hay cập nhật.

1.4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập

- Kế hoạch giảng dạy được thống nhất, kiểm tra và hỗ trợ những khó khăn của các cán bộ giảng dạy thông qua các buổi họp giao ban đầu tuần.
- Dùng phương pháp học thông qua hành, tạo ra sản phẩm để kích thích sinh viên, làm sinh viên hiểu rõ hơn lý thuyết.
- Cách tổ chức hoạt động đào tạo (tổ chức sinh viên thành các nhóm luân phiên báo cáo và trả lời chất vấn), ngoài việc tạo cho sinh viên tinh thần tích cực học tập, còn rèn luyện cho sinh viên nhiều kỹ năng cần thiết khác.
- Ứng dụng rộng rãi CNTT vào giảng dạy và học tập.

1.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên

- Bộ môn sử dụng nhiều hình thức đánh giá học phần, tùy theo đặc thù, yêu cầu của học phần.
- Đánh giá người học theo phương thức tích lũy kiến thức thông qua nhiều điểm thành phần giữa kỳ, chuyên cần và thi cuối kỳ đảm bảo sàng lọc tốt.
- Đánh giá người học dựa trên nhiều tiêu chí và trọng tâm của từng học phần dùng phương pháp đánh giá phù hợp.
- Hình thức và kế hoạch đánh giá được thông báo rộng rãi đến người học ngay buổi học đầu tiên và thông báo thời gian đánh giá ít nhất trước 1 tuần. Điều này giúp sinh viên hiểu rõ hình thức và thời gian đánh giá học phần để có kế hoạch học tập phù hợp.
- Bảng điểm và đáp án được công khai đến toàn thể sinh viên. Điều này tạo sự công bằng cho toàn thể sinh viên.

1.6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy

- Tất cả giảng viên ở Bộ môn đều đã qua các khoá đào tạo về triết học, phương pháp giảng dạy đại học và được tạo điều kiện tốt nhất để học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
- Giảng viên được tuyển dụng đều đạt các tiêu chí giỏi về chuyên môn do nhà trường quy định.
- Nhà trường có các văn bản ban hành qui định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ. Có qui chế quản lý về thời gian chuyên môn của cán bộ giảng dạy và phục vụ giảng dạy.
- Có tiến hành đánh giá cán bộ vào cuối năm mặc dù cách đánh giá chưa thật sự hiệu quả.

1.7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ

- Bộ môn có cán bộ phụ trách cho các hoạt động giảng dạy thực tập và chuẩn bị vật tư thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm.
- Có giảng viên am hiểu chuyên ngành đào tạo, chương trình đào tạo làm cố vấn học tập cho sinh viên theo các quy định của nhà trường.

1.8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên

- Nhìn chung, sinh viên am hiểu CTĐT và yêu thích nghề nghiệp. Do đó, thái độ học tập của các em ngày càng được cải thiện. Đặc biệt, các em đã am hiểu học chế tín chỉ sau một thời gian theo học.

1.9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên

- Bộ môn tổ chức họp mặt toàn bộ sinh viên ngành CKCB đầu năm học hàng năm. Buổi họp có sự tham dự của Ban chủ nhiệm và các cán bộ của Bộ môn. Nội dung buổi họp nhằm lắng nghe và trả lời tất cả các câu hỏi của sinh viên.
- Cố vấn học tập có kế hoạch sinh hoạt với lớp, thu nhận và giải đáp thắc mắc của sinh viên. Phòng Công tác sinh viên, giáo vụ Khoa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho sinh viên. Kết hợp giữa Đoàn Thanh niên Trường và Khoa tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa lãnh đạo nhà trường và sinh viên để lắng nghe và giải đáp các thắc mắc của sinh viên.
- Sinh viên có thể dễ dàng nhận được sự hỗ trợ về tài liệu tham khảo từ thư viện của Trường, Khoa, và cán bộ giảng dạy bên cạnh nguồn tài liệu từ internet.
- Các thông tin về cơ hội học bổng, việc làm được đăng tải thường xuyên trên website của Khoa, Bộ môn.
- Việc lập kế hoạch học tập toàn khóa của sinh viên cũng được sự hỗ trợ của cố vấn học tập.

1.10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

a. Thiết bị giảng dạy và phòng học

- Số lượng phòng học, hội trường đảm bảo số lượng và chất lượng phục vụ tốt trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tất cả các phòng học đều được lắp projector, tivi đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy.

b. Thư viện

- Thư viện được trang bị sách phụ vụ tương đối đầy đủ, hỗ trợ đắc lực trong học tập, nghiên cứu của sinh viên và cán bộ.

c. Phòng Thực hành & Thí nghiệm

- Số lượng PTN ở Bộ môn có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo ở bậc đại học và mở rộng đào tạo sau đại học.

d. Phòng máy vi tính

- Máy tính mới trong Khoa được đầu tư nhiều với cấu hình máy mạnh hỗ trợ tốt cho công tác học tập và nghiên cứu.

1.11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập

- Có đầy đủ biên bản bổ sung CTĐT, chương trình chi tiết. Nội dung các môn học được điều chỉnh và cập nhật mỗi năm, thể hiện tính mềm dẻo của CTĐT.
- Có tổ chức đánh giá học phần sau mỗi học kỳ.
- Nhà Trường rất quan tâm đến việc người học tham gia đánh giá chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà Trường đã thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của sinh viên nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập đạt hiệu quả hơn. Kết quả đánh giá trực tiếp từ sinh viên là kênh thông tin hữu ích giúp cán bộ giảng dạy cải thiện khả năng truyền đạt cũng như chuyên môn của mình.

1.12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ

- Bộ môn đã thực hiện tốt việc qui hoạch phát triển cán bộ để đáp ứng cho nhu cầu đào tạo; có chú ý phát triển cán bộ cho chuyên ngành đào tạo mới.
- Bộ môn cũng chú ý nâng cao trình độ giảng viên qua việc thường xuyên gửi cán bộ đi đào tạo sau đại học.

1.13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

- Ý kiến của sinh viên luôn được CVHT và các đơn vị trong Trường xem xét và giải quyết. Việc đánh giá sinh viên cũng như ghi nhận các ý kiến phản hồi của sinh viên được thực hiện một cách thường xuyên và có kế hoạch để kịp thời giải quyết các khó khăn phát sinh; việc đánh giá quá trình học tập của sinh viên được chính xác.
- Có tổ chức họp mặt và lấy ý kiến đóng góp của sinh viên đang theo học, sinh viên vừa tốt nghiệp và cựu sinh viên.

1.14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra

a. Sinh viên tốt nghiệp

- Điều kiện xét tốt nghiệp cho sinh viên được qui định rất rõ ràng trong Qui chế học vụ (được Nhà Trường in ấn và phát rộng rãi đến từng sinh viên).
- Phòng CTSV và Khoa hướng dẫn qui trình làm hồ sơ xét tốt nghiệp, các thủ tục và mẫu đơn được công bố rộng rãi trên trang web của Khoa.
- Qui trình xét tốt nghiệp được công bố rộng rãi đến tất cả các cá nhân có liên quan.

b. Tỷ lệ đậu rớt

- Chương trình đánh giá cho chuyên ngành Cơ khí chế biến K34 nhưng đến nay sinh viên mới tốt nghiệp nên chưa có số liệu để đánh giá được.

c. Thời gian nhận bằng tốt nghiệp

- Chương trình đánh giá cho chuyên ngành Cơ khí chế biến K34 nhưng đến nay sinh viên mới tốt nghiệp nên chưa có số liệu để đánh giá được.

d. Khả năng được tuyển dụng

- Chương trình đánh giá cho chuyên ngành Cơ khí chế biến K34 nhưng đến nay sinh viên mới tốt nghiệp nên chưa có số liệu để đánh giá được.

e. Năng lực nghiên cứu của sinh viên và cán bộ

- Cán bộ bộ môn có đủ trình độ, kinh nghiệm thực tế để làm các nghiên cứu khoa học cải tiến kỹ thuật công nghệ phục vụ sản xuất ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.(A.TC.10.01)
- Khoa có nguồn quỹ riêng cho công tác nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ thực hiện các đề tài, dự án.

1.15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan

15.1 Ý kiến sinh viên

- Sinh viên là người trực tiếp tham gia quá trình học, mỗi ý kiến của sinh viên về chương trình đào tạo trong suốt thời gian sinh viên học tại trường là nguồn thông tin vô cùng hữu ích để cải tiến chương trình đào tạo.
- Sinh viên là người đóng góp nhiều ý kiến về phương pháp giảng dạy của cán bộ phụ trách học phần, ý kiến đó giúp cán bộ ngày càng hoàn thiện phương pháp giảng dạy của mình.

15.2. Ý kiến cựu sinh viên

- Hiện nay sinh viên Cơ khí chế biến K34 mới tốt nghiệp nên chưa có phản hồi từ cựu sinh viên.

15.3 Ý kiến của thị trường lao động

- Hiện nay sinh viên Cơ khí chế biến K34 mới tốt nghiệp nên chưa có phản hồi từ thị trường lao động đối với chương trình đào tạo của khóa K34.

2. Phân tích điểm còn tồn tại

2.1. Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi

- Trong quá trình học tập, sinh viên được đào tạo theo chiều rộng kiến thức, vì thế đối với từng lĩnh vực không nắm rõ về chuyên môn.

2.2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết

- Chương trình chi tiết chưa làm rõ về các học phần tiên quyết vì thế sinh viên khi đăng ký môn học không đăng ký đúng với học phần cần phải học.
- Các học phần tự chọn chưa được sắp xếp ứng với từng lĩnh vực của chuyên ngành, vì mỗi học phần sẽ hỗ trợ cho từng lĩnh vực tương ứng.

2.3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình

- Chương trình đào tạo chưa được lấy nhiều ý kiến từ các chuyên gia ngoài trường, nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên.
- Một số nội dung bài thực hành/thực tập chưa đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết mà phần lớn theo trang thiết bị đã có.
- Chưa đánh giá toàn diện chuẩn đầu ra của từng học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT. Chưa đánh giá tính logic nội dung của từng học phần trong toàn CTĐT.

2.4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập

- Cán bộ giảng dạy còn chưa tích cực trong việc đổi mới liên tục nội dung bài giảng, áp dụng phương thức giảng dạy mới, một số cán bộ trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thiếu những kỹ năng sư phạm cần thiết.

2.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên

- Công tác tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ chưa có thanh kiểm tra xuyên suốt. Một số cán bộ coi thi chưa xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế thi.
- Công tác tổ chức thi cuối kỳ do cán bộ giảng dạy sắp xếp thời gian, đôi khi sinh viên phải tham gia thi hơn 2 môn một ngày.

2.6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy

- Cán bộ có trình độ Tiến sĩ chưa nhiều, thiếu giảng viên đầu ngành có nhiều kinh nghiệm.
- Một số cán bộ không muốn tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Một số cán bộ nghỉ việc, chuyển công tác cũng đã ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ CBGD của bộ môn.
- Bộ môn chưa có kế hoạch cụ thể trong việc qui hoạch cán bộ, thời gian cụ thể cử người đi học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

2.7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ

- Một số cán bộ phục vụ giảng dạy có trình độ chuyên môn chưa cao nên còn gặp khó khăn trong công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm cho sinh viên.
- Cán bộ hỗ trợ giảng dạy phải kiêm nhiệm công tác tại văn phòng nên gặp khó khăn trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao từ cấp trên.

2.8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên

- Chưa tổ chức và tiến hành được việc điều tra cựu sinh viên một cách rộng rãi do hạn chế kinh phí.
- Điểm chuẩn vào trường của sinh viên ngành CKCB khóa 34 tương đối thấp so với các ngành khác. Đa số sinh viên đầu vào được tuyển chọn từ nguyện vọng 2.

2.9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên

- Giảng viên kiêm nhiệm cố vấn học tập còn chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ do bị quá tải với công việc giảng dạy, nghiên cứu. Một số cố vấn học tập chưa nắm hết quy chế học vụ và chưa quan tâm sinh viên lớp mình.
- Việc công bố kết quả học tập đôi lúc chậm trễ hơn thời hạn quy định.
- Việc xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa của sinh viên còn nhiều bất cập.
- Bộ môn chưa thực hiện được việc tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của sinh viên thường xuyên.
- Bộ môn chưa tổ chức được các buổi hoạt động ngoại khóa hỗ trợ SV (học bổng, hỗ trợ việc làm, định hướng nghề nghiệp,...).

2.10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

- Các thiết bị hỗ trợ giảng dạy có tần suất sử dụng lớn nên đã trở nên xuống cấp và hư hỏng nhiều, phần nào gây khó khăn trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy (đặc biệt là các Projectors và hệ thống âm thanh).

- Do nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy theo chiều hướng tích cực nên các thiết bị hỗ trợ giảng dạy dù được trang bị nhiều nhưng không đủ sử dụng, làm cho cán bộ bị động trong giảng dạy.

2.11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập

- Bộ môn Kỹ thuật Cơ Khí có các nhóm chuyên ngành của Bộ môn. Chương trình Hiện tại chỉ có một kênh kiểm tra chất lượng đào tạo là qua phiếu đánh giá môn học của sinh viên.
- Chưa thực hiện được việc lấy ý kiến sinh viên đã tốt nghiệp đi làm và nhà tuyển dụng một cách thường xuyên và quy mô, để có cơ sở đánh giá đúng hơn và chất lượng đào tạo của chương trình ngành CKCB so với nhu cầu thực tế của xã hội.
- Chưa thực hiện được việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng một cách quy mô để có cơ sở đánh giá đúng hơn và chất lượng giáo dục của ngành so với nhu cầu thực tế của xã hội.
- Trường chưa có chương trình cho CBGD tiếp xúc với thực tế vì thế một số cán bộ trẻ sẽ không đủ kinh nghiệm và kiến thức trong quá trình giảng dạy, gặp nhiều khó khăn trong truyền đạt kiến thức.
- Các nhóm thực tập với số lượng sinh viên đông sẽ rất khó khăn để sinh viên tiếp xúc và làm quen với công nghệ, ảnh hưởng lớn đến kiến thức và kỹ năng khi sinh viên tốt nghiệp ra trường.

2.12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ

- Việc thực hiện theo qui hoạch còn gặp nhiều trở ngại do cán bộ xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác, việc phát triển và tuyển dụng giảng viên mới không thật sự đúng qui hoạch phát triển của bộ môn do các nguyên nhân khách quan và chủ quan.

2.13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

- Hệ thống ghi nhận phản hồi từ thị trường lao động và cựu sinh viên chưa được tổ chức có hệ thống và thực hiện thường xuyên. Quá trình ghi nhận các phản hồi này chủ yếu chỉ dựa vào quan hệ cá nhân giữa giảng viên và bên ngoài nên thông tin thu nhận được thiếu tính tổng quát.
- Hiện tại, Bộ môn chưa thực hiện được việc lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đang theo học về CTĐT cũng như chất lượng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngoài việc đánh giá theo từng học phần đã được học theo phiếu đánh giá học phần và phiếu khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp hàng năm. Vì thế, việc phân tích các điểm mạnh và yếu của CTĐT thông qua ý kiến đánh giá của sinh viên chưa thực hiện được.
- Có một số sinh viên thực hiện phiếu đánh giá môn học không chính xác, sơ sài, làm cho có, vì vậy không đảm bảo chất lượng đánh giá và tính khách quan cũng bị giảm xuống.
- Chưa thực hiện rộng rãi và thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động.
- Hội đồng Cựu sinh viên chưa được thực hiện thường xuyên.

2.14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra

- Chương trình đánh giá cho chuyên ngành Cơ khí chế biến K34 nhưng đến nay sinh viên mới tốt nghiệp nên chưa có số liệu để đánh giá đầu ra.

2.15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan

a. Ý kiến sinh viên

- Sinh viên còn chủ quan trong quá trình đóng góp ý kiến về chương trình đào tạo cũng như phương pháp giảng dạy của cán bộ.
- Đa phần sinh viên chỉ quan tâm đến điểm số đạt được nên khó xác định được mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo.
- Sinh viên không mạnh dạn, còn e dè trong việc đóng góp ý kiến với CVHT về chương trình đào tạo mình đang học.

b. Ý kiến cựu sinh viên

- Chương trình đánh giá cho chuyên ngành Cơ khí chế biến K34 nhưng đến nay sinh viên mới tốt nghiệp nên chưa có số liệu để đánh giá đầu ra.

c. Ý kiến của thị trường lao động

- Chương trình đánh giá cho chuyên ngành Cơ khí chế biến K34 nhưng đến nay sinh viên mới tốt nghiệp nên chưa có số liệu để đánh giá đầu ra.

3. Kết quả tự đánh giá

Bảng 8: Kết quả đánh giá AUN ngành Cơ khí chế biến

CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	1	2	3	4	5	6	7
<i>Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi</i>							
Chương trình có kết quả học tập mong đợi được trình bày rõ ràng [3]					X		
Chương trình đẩy mạnh việc học cách học và học tập suốt đời [1]				X			
Kết quả học tập mong đợi bao gồm cả kiến thức và kỹ năng đại cương lẫn kiến thức và kỹ năng chuyên ngành [2]					X		
Kết quả học tập mong đợi phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan. [3]					X		
Ý kiến chung					X		
<i>Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết</i>							
Trường đại học có sử dụng chương trình chi tiết [1]						X	
Chương trình chi tiết nêu rõ kết quả học tập mong đợi và cách thức đạt được kết quả học tập mong đợi. [1,2,3]					X		
Chương trình chi tiết cung cấp nhiều thông tin , được phổ biến và có sẵn cho các bên liên quan.					X		
Ý kiến chung					X		
<i>Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình</i>							
Nội dung chương trình có sự cân đối tốt giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và chuyên ngành [1]						X	
Nội dung chương trình phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của trường					X		
Sự góp phần đạt được kết quả học tập mong đợi của từng học phần được thể hiện rõ [3]					X		
Cấu trúc chương trình đào tạo được thiết kế sao cho nội dung các học phần có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau. [4]					X		
Chương trình thể hiện chiều rộng và chiều sâu [5]							

Chương trình thể hiện rõ học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp [6]					X	
Nội dung chương trình được cập nhật [1]					X	
Ý kiến chung					X	
<i>Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập</i>						
Khoa có chiến lược giảng dạy và học tập rõ ràng [5]					X	
Chiến lược giảng dạy và học tập giúp sinh viên hiểu được và vận dụng được kiến thức [2,6]					X	
Chiến lược giảng dạy và học tập hướng về sinh viên và kích thích việc học có chất lượng [3,4]				X		
Chương trình giảng dạy kích thích sinh viên học tập chủ động và hỗ trợ cho việc học cách học [1]					X	
Ý kiến chung					X	
<i>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên</i>						
Đánh giá sinh viên bao gồm kiểm tra đầu vào , kiểm tra quá trình học tập của sinh viên và kiểm tra cuối khoá. [1]				X		
Đánh giá dựa trên các tiêu chí [2]					X	
Đánh giá sinh viên sử dụng nhiều phương pháp [3,5]				X		
Đánh giá phản ánh kết quả học tập mong đợi và nội dung chương trình [3]					X	
Các tiêu chí để đánh giá chính xác và được phổ biến rộng rãi [3,6]					X	
Việc sắp xếp đánh giá bao phủ mục tiêu chương trình giảng dạy [4]				X		
Tiêu chuẩn được áp dụng trong đánh giá phải rõ ràng và phù hợp [7,8,9,10]					X	
Ý kiến chung					X	
<i>Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy</i>						
Giảng viên phải có khả năng đáp ứng nhiệm vụ của họ [1]				X	X	
Giảng viên có đủ số lượng và khả năng để thực hiện chương				X		

trình giảng dạy [2]							
Tuyển dụng và thăng tiến dựa trên công lao học thuật [3]				X			
Vai trò và mối quan hệ giữa các cán bộ được xác định rõ và được hiểu rõ [4]					X		
Các nhiệm vụ được xác định phù hợp với bằng cấp, kinh nghiệm và kỹ năng [5]				X			
Khối lượng công việc và cơ chế khen thưởng được thiết kế nhằm hỗ trợ cho chất lượng dạy và học. [6]				X			
Trách nhiệm của cán bộ được quy định hợp lý [7]					X		
Có dự liệu cho việc thẩm định, tư vấn và bố trí lại [8]					X		
Thôi việc, nghỉ hưu và phúc lợi xã hội được lập kế hoạch và thực hiện tốt [9]						X	
Có hệ thống đánh giá, khen thưởng hợp lý [10]				X			
Ý kiến chung					X		
<i>Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ</i>							
Cán bộ thư viện có đủ số lượng và năng lực					X		
Cán bộ phòng thí nghiệm có đủ số lượng và năng lực					X		
Cán bộ phòng máy tính có đủ số lượng và năng lực					X		
Cán bộ hỗ trợ (công tác) sinh viên có đủ số lượng và năng lực					X		
Ý kiến chung					X		
<i>Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên</i>							
Chính sách cho sinh viên đầu vào rõ ràng					X		
Quy trình thu nhận sinh viên hợp lý						X	
Khối lượng học tập thật sự khớp với khối lượng được tính toán						X	
Ý kiến chung						X	
<i>Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên</i>							
Hệ thống ghi nhận quá trình học tập của sinh viên thích hợp [1]						X	
Sinh viên nhận được sự tư vấn học tập , hỗ trợ và phản hồi đầy đủ về việc học của họ [1]						X	

Hoạt động cố vấn cho sinh viên là thỏa đáng [1]				X		
Môi trường tâm lý, vật chất và xã hội cho sinh viên là thỏa đáng [2]			X			
Ý kiến chung				X		
<i>Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng</i>						
Thiết bị giảng dạy (hội trường, phòng học) thích hợp [1]		X				
Tài nguyên thư viện đầy đủ và cập nhật [3,4]			X			
Thiết bị phòng thí nghiệm đầy đủ và cập nhật [1,2]			X			
Máy vi tính đầy đủ và được cập nhật, nâng cấp. [1,5,6]			X			
Tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh môi trường đạt yêu cầu của địa phương về tất cả các mặt [7]				X		
Ý kiến chung				X		
<i>Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập</i>						
Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên sự tổng hợp của tất cả các cán bộ có liên quan. [1]				X		
Sinh viên có tham gia vào việc thiết kế chương trình [1]	X					
Thị trường lao động có ảnh hưởng đến việc thiết kế chương trình [1]		X				
Chương trình giảng dạy được đánh giá thường xuyên [2]	X					
Các học phần và chương trình đào tạo nhận được sự đánh giá có hệ thống của sinh viên [3]		X				
Phản hồi của sinh viên được sử dụng cho việc cải tiến chương trình đào tạo [3]		X				
Đảm bảo chất lượng và liên tục cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá và hoạt động đánh giá. [3]	X					
Ý kiến chung		X				
<i>Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ</i>						
Có kế hoạch rõ ràng về nhu cầu đào tạo và phát triển cán bộ , đối với cả cán bộ hỗ trợ và cán bộ giảng dạy [1]				X		

Hoạt động phát triển cán bộ tương xứng với nhu cầu [2]		X					
Ý kiến chung			X				
Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan							
Thị trường lao động (nhà tuyển dụng) có phản hồi cho nhà trường.	X						
Cựu sinh viên có phản hồi cho nhà trường.	X						
Cán bộ có phản hồi cho nhà trường.				X			
Ý kiến chung		X					
Tiêu chuẩn 14. Đầu ra							
Tỉ lệ thi đậu là thỏa đáng và tỉ lệ rớt là chấp nhận được					X		
Thời gian tốt nghiệp trung bình là thỏa đáng					X		
Tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp là thỏa đáng				X			
Cấp độ của các hoạt động nghiên cứu của cán bộ giảng dạy và sinh viên là thỏa đáng		X					
Ý kiến chung				X			
Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan							
(báo cáo thực trạng, không đánh giá bằng thang điểm đối với nội dung này)							
Ý kiến chung							
Nhận định chung				X			

Thang điểm đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn AUN

Việc đánh giá chất lượng chương trình theo tiêu chuẩn AUN-QA sử dụng thang điểm gồm 7 mức (có giá trị từ 1 đến 7), được chuẩn hóa thành những mô tả như sau:

- 1 – hầu như không có** bằng chứng bằng văn bản về chỉ báo này
- 2 – có ít** bằng chứng bằng văn bản về chỉ báo này
- 3 – bằng chứng bằng văn bản về chỉ báo này đạt mức dưới trung bình**
- 4 – bằng chứng bằng văn bản về chỉ báo này đạt mức trung bình**
- 5 – bằng chứng bằng văn bản về chỉ báo này đạt mức trên trung bình**
- 6 – có khá nhiều** bằng chứng bằng văn bản về chỉ báo này
- 7 – có rất nhiều** bằng chứng bằng văn bản về chỉ báo này

HOẶC

- 1 – **hoàn toàn không đạt**, cần phải cải tiến ngay lập tức
- 2 – **không đạt**, cần cải tiến
- 3 – **không đạt** nhưng cần cải tiến chút đỉnh để đạt
- 4 – **đạt** đúng như dự kiến
- 5 – **đạt trung bình khá**
- 6 – là một ví dụ tốt để làm gương
- 7 – **xuất sắc**

4. Kế hoạch hành động

4.1. Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi

- Từng bước định hướng cho sinh viên quen với học tập theo hệ thống tín chỉ, giúp sinh viên có hướng nhìn đúng với đào tạo tín chỉ, từ đó có định hướng học tập suốt đời.
- Kiến nghị mở nhiều lớp ngoại khóa để giảng dạy các phần mềm chuyên dùng cho lĩnh vực Cơ khí chế biến, đào tạo sinh viên sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ cho lĩnh vực tính toán, thiết kế.
- Kiến nghị nhà trường xem xét lại quy định nhóm thực tập 20 – 40 SV/nhóm đối với những học phần thực hành đặc thù của ngành cơ khí để sinh có thể nắm bắt được công nghệ hiện có, từ đó tạo cơ sở để sinh viên phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu.

4.2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình chi tiết

- Xây dựng lại các học phần tiên quyết giúp sinh viên có đủ kiến thức tham gia các học phần tương ứng, tránh tình trạng không đủ kiến thức khi học học phần mới.
- Sắp xếp các học phần tự chọn theo từng lĩnh vực, sinh viên sẽ nắm được học mỗi học phần sẽ hỗ trợ cho lĩnh vực nào của chuyên ngành, có hướng sắp xếp kế hoạch học tập hợp lý hơn.
- Công bố rộng rãi chương trình chi tiết ngành Cơ khí chế biến thông qua Internet, các buổi hội thảo nói về ngành Cơ khí chế biến để các đối tượng có liên quan hiểu rõ hơn về chuyên ngành.

4.3. Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình

- Tiến hành lấy ý kiến đóng góp chương trình đào tạo từ các chuyên gia ngoài trường, nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên trong năm 2011.
- Tổ chuyên ngành sẽ kiểm tra chuẩn đầu ra từng học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Điều chỉnh nội dung bài thực hành/ thực tập đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết và nâng kỹ năng tay nghề cho người học.
- Tiến hành thực hiện kiểm tra và đánh giá tính logic về nội dung và kiến thức giữa các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT bắt đầu từ năm 2012.

4.4. Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập

- Tổ chức hội thảo về phương pháp giảng dạy trong năm 2012.

4.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá sinh viên

- Cần xem xét tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ trong năm 2012. Yêu cầu cán bộ giảng dạy cung cấp ngày thi, hình thức thi giữa và cuối kỳ cho từng môn học tạo cơ sở để kiểm tra đột xuất 1 vài môn học có thực hiện đúng như đã đăng ký hay không.
- Công tác thi cuối kỳ: Cán bộ giảng dạy đưa ra nhiều sự lựa chọn phù hợp cho sinh viên. Giáo vụ Khoa sắp xếp xen lẫn các môn học thuộc các chuyên

ngành với nhau, tránh tình trạng sinh viên phải thi 2 môn trong cùng một lúc. Bên cạnh đó, phòng thi từ 40 sinh viên trở lên phải có 2 cán bộ coi thi.

- Tổ chức phát phiếu đánh giá môn học trước khi kết thúc học phần và tổ chức cho sinh viên đánh giá chương trình đào tạo thường xuyên hơn.

4.6. Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy

- Đẩy mạnh việc đưa giảng viên đi học tập nâng cao trình độ . Có kế hoạch rõ ràng, và khả thi trong việc đào tạo cán bộ.
- Thực hiện việc bồi dưỡng nâng cao trình độ theo kế hoạch phát triển đội ngũ 2010-2020.
- Tuyển thêm cán bộ mới đáp ứng nhu cầu phát triển và kế hoạch vạch ra của đơn vị giai đoạn 2010-2020

4.7. Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ hỗ trợ

- Cần đổi mới chính sách đãi ngộ để có thể tuyển dụng được cán bộ phục vụ giảng dạy đáp ứng được yêu cầu đổi mới . Đảm bảo tiền lương hàng tháng đủ cho cán bộ chi tiêu cuộc sống hàng ngày và chăm lo cuộc sống gia đình.

4.8. Tiêu chuẩn 8. Chất lượng sinh viên

- Tăng cường công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông nhằm để thí sinh hiểu rõ nội dung ngành nghề, công việc tương lai của mình và có sự lựa chọn ngành thi tuyển sinh đại học phù hợp giữa khả năng và sở thích .
- Tăng cường công tác tư vấn ngành nghề và tạo kích thích yêu nghề, yêu ngành trong sinh viên để có thể có được chất lượng sinh viên đầu vào tốt hơn.
- Thực hiện việc điều tra cựu sinh viên và các nhà sử dụng lao động để có được luồng thông tin bổ ích cho việc điều chỉnh cải tiến chương trình cho phù hợp hơn, đảm bảo chất lượng đào tạo phục vụ nhu cầu xã hội.

4.9. Tiêu chuẩn 9. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên

- Cải tiến phương thức quản lý đào tạo ở các cấp sao cho hợp lý hơn.
- Bộ môn, Khoa và Đoàn Thanh niên kết hợp tổ chức các buổi họp mặt với sinh viên thường kỳ.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa để hỗ trợ sinh viên (học bổng, định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ nơi thực tập, làm việc,....)

4.10. Tiêu chuẩn 10. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

- Tiếp tục đầu tư thiết bị hiện đại cho các PTN để tập trung vào công tác đào tạo sau đại học và NCKH, kế hoạch từ năm 2010 đến 2020.
- Liên kết đào tạo sau đại học và NCKH trong nước và quốc tế, nhằm khai thác tốt thiết bị hiện có và cập nhật các thiết bị thí nghiệm hiện đại.

4.11. Tiêu chuẩn 11. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập

- Tiếp tục tổ chức và tổ chức với quy mô lớn việc lấy ý kiến các cựu sinh viên và nhà tuyển dụng qua các hội thảo để có cơ sở bổ sung các thiếu sót của chương trình đào tạo.

- Cần xây dựng mối liên hệ chặt chẽ hơn giữa nhà tuyển dụng và nhà trường, giữa nhu cầu xã hội và mục tiêu đào tạo.
- Tiếp tục kiến nghị lên trường xem xét lại việc phân chia nhóm thực tập, mỗi nhóm nên tối đa 10 SV.

4.12. Tiêu chuẩn 12. Hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ

- Bộ môn công khai kế hoạch phát triển và quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ giai đoạn 2010 - 2020 (A.TC.11.01).
- Tiếp tục phát huy công tác lập kế hoạch phát triển chi tiết trong công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ để đáp ứng yêu cầu phát triển của bộ môn và Khoa, Trường.

4.13. Tiêu chuẩn 13. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

- Kiến nghị nhà trường hỗ trợ kinh phí và các phương tiện để lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo.
- Định kỳ tổ chức việc ghi nhận các thông tin phản hồi từ thị trường lao động và cựu sinh viên.
- Tổ chức lưu giữ thông tin liên lạc cá nhân của sinh viên tốt hơn để tiện liên lạc khi sinh viên ra trường.
- Xây dựng phiếu đánh giá và sẽ thực hiện việc đánh giá, phân tích toàn diện về CTĐT, chất lượng đào tạo từ ý kiến phản hồi của sinh viên trong năm học 2011-2012. Phát phiếu đánh giá CTĐT chung với phiếu ý kiến của sinh viên để lấy thông tin về sự hài lòng của sinh viên đối với CTĐT từ đó có hướng điều chỉnh hợp lý trong tương lai.
- Tiếp tục thiết lập mối liên hệ chặt chẽ hơn nữa giữa Bộ môn với các cựu sinh viên và doanh nghiệp để có được những thông tin phản hồi chính xác hơn từ những các cựu sinh viên và người sử dụng lao động. Hàng năm, gửi phiếu đánh giá đến cựu sinh viên và doanh nghiệp để thu thập thông tin kịp thời.

4.14. Tiêu chuẩn 14. Đầu ra

- Trong năm 2012, sinh viên ngành Cơ khí chế biến K34 sẽ tốt nghiệp ra trường, bộ môn sẽ tiến hành lấy số liệu để tiến hành đánh giá đầu ra cho các năm sau.
- Thông qua số liệu đầu ra, bộ môn sẽ có tổ chức hội nghị để đánh giá kết quả đạt được của sinh viên trong suốt quá trình học về tiến độ ra trường, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và có hướng điều chỉnh.
- Thu thập số liệu về khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4.15. Tiêu chuẩn 15. Sự hài lòng của các bên liên quan

a. Ý kiến sinh viên

- Thường xuyên lấy ý kiến đóng góp từ sinh viên về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, dần dần rút ngắn khoảng cách giữa sinh viên và cán bộ giảng dạy, tạo cho sinh viên cảm giác được quan tâm, được trao đổi về chuyên môn và sẵn sàng trao đổi khi cần thiết.

- Các vấn đề liên quan đến sinh viên, bộ môn sẽ đăng lên trang web của bộ môn (<http://www.ctu.edu.vn/colleges/tech/bomon/ktck/trangchu.html>) và dán ở bảng thông báo để sinh viên dễ dàng theo dõi.

b. Ý kiến cựu sinh viên

- Cố gắng duy trì liên lạc với sinh viên đã tốt nghiệp, thông qua thư từ, điện thoại để thu nhập ý kiến của sinh viên khi sinh viên trải nghiệm thực tế và có sự so sánh, hài lòng về chương trình đào tạo mình đã học hay không. Từ đó có hướng điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với mong muốn của sinh viên trong quá trình học.

c. Ý kiến của thị trường lao động

- Thông qua quan hệ cá nhân của các cán bộ trong bộ môn, tiến hành thăm dò ý kiến của nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với kỹ sư ngành Cơ khí chế biến.

PHẦN 4. PHỤ LỤC

1. Danh mục từ viết tắt – Từ chuyên môn

STT	Chữ viết tắt – Từ chuyên môn	Viết đầy đủ – Giải thích
1	ĐHCT	Đại học Cần Thơ
2	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
3	CTĐT	Chương trình đào tạo
4	PTN	Phòng thí nghiệm
5	NCKH	Nghiên cứu khoa học
6	CKCB	Cơ khí chế biến
7	CBGD	Cán bộ giảng dạy
8	CVHT	Cố vấn học tập
9	CTSV	Công tác sinh viên
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	CAD	Computer – Aided – Design
12	CAM	Computer – Aided – Manufacturing
13	CNC	Computer – Numerical – Control

2. Danh mục bảng

STT	Ký hiệu - Tên bảng	Ghi chú
1	Bảng 1: Chương trình đào tạo ngành Cơ khí chế biến đang được áp dụng.	
2	Bảng 2: Thành viên tổ đánh giá AUN ngành Cơ khí chế biến	
3	Bảng 3: Lực lượng cán bộ giảng viên của Bộ môn Kỹ thuật cơ khí năm 2011.	
4	Bảng 4: Cán bộ giảng viên	
5	Bảng 5: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên và tỷ lệ giảng viên/sinh viên cao học	
6	Bảng 6. Bảng 6. Sinh viên tuyển mới năm thứ nhất (Số liệu cập nhật ngày 01/10/2010)	

7	Bảng 7. Tổng số sinh viên (tính 5 năm gần đây nhất)	
8	Bảng 8: Kết quả đánh giá AUN ngành Cơ khí chế biến	

3. Danh mục hình

STT	Ký hiệu - Tên hình	Ghi chú
1	Hình 1. Sơ đồ cấu trúc chương trình ngành Cơ khí chế biến	

4. Danh mục minh chứng

TT	Minh chứng	Mã MC	Ngày ban hành	MC dùng chung
1	CTĐT: Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi	A.TC.01.01		
2	Danh mục tra cứu chương trình đào tạo đại học và cao đẳng – Tập I	A.TC.01.02		
3	Học tập suốt đời thể hiện qua đề cương môn CTĐT ngành CKCB: Máy và thiết bị CB Lương thực, Máy và thiết bị CB thực phẩm	A.TC.01.03		
4	Học tập suốt đời thể hiện qua đề cương các môn: KT sấy & Bảo quản nông sản, Hệ thống máy và thiết bị lạnh	A.TC.01.04		
5	Đề cương chi tiết Thực tập Máy & TB chế biến lương thực	A.TC.01.05		
6	Đề cương chi tiết Thực tập Máy & TB chế biến thực phẩm	A.TC.01.06		
7	Đề cương chi tiết Tham quan kiến tập và Thực tập ngành nghề - CKCB	A.TC.01.07		
8	Phiếu điều tra sinh viên tốt nghiệp	A.TC.01.08		
9	Chương trình đào tạo Cơ khí chế biến	A.TC.02.01		

TT	Minh chứng	Mã MC	Ngày ban hành	MC dùng chung
10	Học phần Máy và thiết bị chế biến lương thực	A.TC.02.02		
11	Học phần Máy và thiết bị chế biến thực phẩm	A.TC.02.03		
12	Học phần Nhiệt động lực học và truyền nhiệt	A.TC.02.04		
13	Học phần Hệ thống máy và thiết bị lạnh	A.TC.02.05		
14	Học phần Kỹ thuật sấy và bảo quản nông sản	A.TC.02.06		
15	Học phần Công nghệ chân không & vi sóng	A.TC.02.07		
16	TT Máy và TB chế biến lương thực	A.TC.02.08		
17	TT Máy và TB chế biến lương thực	A.TC.02.10		
18	Thực tập ngành nghề - CKCB	A.TC.02.11		
19	Tham quan thực tế	A.TC.02.12		
20	Đồ án máy và thiết bị chế biến	A.TC.02.13		
21	Học phần Luận văn TN, Tiểu luận TN	A.TC.02.14		
22	Danh mục tra cứu chương trình đào tạo đại học và cao đẳng – Tập 1, Tập 2 và Tập 3	A.TC.02.15		
23	Biên bản họp Bộ môn về việc xây dựng CTĐT	A.TC.03.01		
24	278/ ĐHCĐ-ĐT, Quy định việc đánh giá học phần	A.TC.05.01	6/3/2008	
25	1325/ ĐHCĐ-ĐT, đánh giá kết quả học tập của sinh viên	A.TC.05.02	17/9/2008	
26	1806/ĐHCĐ-ĐT, việc quản lý lớp học phần, tổ chức thi và đánh giá	A.TC.05.03	19/11/2009	

TT	Minh chứng	Mã MC	Ngày ban hành	MC dùng chung
	học phần			
27	Bảng phân công giảng dạy từng học kỳ	A.TC.06.01		
28	65/QĐ-ĐHCT, Ban hành Quyết định về quản lý công tác chuyên môn đối với cán bộ giảng dạy Trường ĐHCT	A.TC.06.02	14/01/2009	
29	1767/QĐ-ĐHCT, Quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2007-2008	A.TC.06.03	01/12/2008	
30	Danh sách cán bộ viên chức được cử giữ chức vụ tổ trưởng chuyên ngành, trưởng phòng thí nghiệm thuộc BM KT Cơ Khí (ban kèm theo QĐ 337/QĐ-ĐHCT)	A.TC.06.04	12/01/2010	
31	2067/ QĐ-ĐHCT, Quyết định Ban hành quy định về công tác Cố vấn học tập	A.TC.09.01	04/12/2007	
32	Danh sách Cố vấn học tập	A.TC.09.02		
33	Nhiệm vụ của Cố vấn học tập	A.TC.09.03	02/11/2007	
34	Tổng hợp lịch sinh hoạt sinh viên khóa mới	A.TC.09.04		
35	Giới thiệu Trường Đại học Cần Thơ, Khoa Công nghệ và Bộ môn Kỹ Thuật Cơ Khí	A.TC.09.05		
36	Qui định về công tác học vụ	A.TC.09.06	27/08/2010	
37	Hướng dẫn đánh giá điểm rèn luyện	A.TC.09.07		
38	Hướng dẫn chi tiết về việc đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên	A.TC.09.08		
39	Dự án C2	A.TC.10.01		
40	Hợp đồng hỗ trợ thiết bị với TOYOTA	A.TC.10.02		

TT	Minh chứng	Mã MC	Ngày ban hành	MC dùng chung
41	Hợp đồng hỗ trợ thiết bị với HuynDai	A.TC.10.03		
42	Quy định tổ chức giảng dạy học phần	A.TC.11.01		
43	Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy giai đoạn 2010-2020	A.TC.12.01		
44	1217/ ĐHCT-TCCB, Thực hiện quy định về tuyển dụng cán bộ giảng dạy	A.TC.12.02	28/8/2008	
45	Thông báo tuyển dụng cán bộ giảng dạy	A.TC.12.03	2009, 2010, 2011	
46	Biên bản phỏng vấn tuyển dụng làm việc tại Khoa Công Nghệ - ĐHCT	A.TC.12.04	8/2008	
47	Kế hoạch phát triển đội ngũ CBGD giai đoạn 2010 - 2020 của Bộ môn	A.TC.12.05		
48	Các Quyết định cử cán bộ đi học Thạc sĩ, Tiến sĩ	A.TC.12.06	2007, 2008, 2009	
49	Phiếu khảo sát tình hình SV Tốt nghiệp	A.TC.15.01	2009-2010	
50	Ý kiến đánh giá của sinh viên qua phiếu đánh giá	A.TC15.02		